

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 19/2026/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo

luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định nguyên tắc, định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

c) Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương án phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

d) Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

đ) Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

e) Nghị quyết số 55/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách cấp tỉnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025.

g) Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định.

h) Nghị quyết số 102/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

i) Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

k) Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

l) Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, định mức và phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

3. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với vốn ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả nguồn vốn các năm 2021, 2022, 2023 và năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) chưa thực hiện hoặc chưa giải ngân hết trong năm 2025, được phép chuyển nguồn sang năm

2026 để tiếp tục thực hiện và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước đã ban hành cho giai đoạn 2021-2025 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Đối với vốn ngân sách nhà nước từ năm 2026 trở đi khi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình mà chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XVI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *Quo*

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền
vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; các xã và phường Yên Sơn; các đơn vị sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật có liên quan. Quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách và thực hiện phân cấp trong quản lý theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và cấp xã.
2. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương. Phân bổ vốn tập trung, trọng tâm, trọng điểm, không phân tán, không dàn trải, không chông chéo với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác; bảo đảm yêu cầu về tiến độ giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn. Giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định.
3. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Xã đã được công nhận trở thành phường trong giai đoạn 2026-2030 (không thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình) thì kể từ ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch liền kề trở đi không được phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình và chủ động cân đối nguồn ngân sách phường để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. Thứ tự ưu tiên phân bổ như sau:

a) Theo địa bàn: Xã an toàn khu, xã biên giới biển; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới; xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; xã có tỷ lệ hộ nghèo cao so với tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh theo kết quả rà soát hộ nghèo hằng năm.

b) Theo tính chất công trình, dự án, nội dung thành phần: Công trình, dự án để hoàn thành tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại; công trình, dự án đã hoàn thành còn thiếu vốn thanh toán; công trình, dự án phục vụ phát triển sản xuất và đời sống nhân dân, chăm sóc sức khỏe, cải thiện môi trường sống khu vực nông thôn; Các dự án, nội dung thành phần có tính chất thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hạ tầng nông thôn, phát triển thương mại điện tử thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và nâng cao năng lực tiếp cận thông tin cho người dân, nhằm hiện đại hóa nông thôn theo định hướng của tỉnh.

Điều 4. Tiêu chí, điểm số phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương

Tiêu chí, điểm số phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình trên cơ sở số xã trên địa bàn tỉnh. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng 05 tiêu chí, điểm số phân bổ cụ thể như sau:

1. Xã an toàn khu¹: 50 điểm/xã.
2. Xã biên giới biển²: 50 điểm/xã.
3. Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi³: 40 điểm/xã.
4. Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 30 điểm/xã.
5. Xã còn lại: 25 điểm/xã.

Trường hợp, một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số điểm cao nhất

¹ Xã an toàn khu theo Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

² Xã biên giới biển theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

³ Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 60/QĐ-BDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

tương ứng với một trong các đối tượng đó, không áp dụng tính cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số điểm đối với cùng 01 xã.

Điều 5. Định mức, phương pháp xác định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương

Số vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương phân bổ cho các xã căn cứ theo điểm số, cụ thể như sau:

1. Tổng số điểm của toàn tỉnh được xác định theo công thức sau:

Gọi X_i là số điểm của xã thứ i theo quy định tại Điều 4.

Gọi Y là tổng điểm của toàn tỉnh.

$$Y = \sum_{i=1}^n X_i$$

Trong đó: n là số xã trên địa bàn tỉnh.

2. Số vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương trung bình cho 1 điểm số được tính theo công thức:

Gọi Z là số vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương trung bình 01 điểm số.

Gọi K là tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh.

$$Z = \frac{K}{Y}$$

3. Định mức vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương phân bổ cho từng xã được xác định theo công thức:

Gọi V_i là vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương phân bổ cho xã thứ i .

$$V_i = Z \times X_i$$

Điều 6. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương

1. Phân bổ cho công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

a) Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh: 1.200 triệu đồng/năm.

b) Hỗ trợ các sở, ngành, tổ chức đoàn thể (*Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh*): mức hỗ trợ 100 triệu đồng/đơn vị/năm.

c) Hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo xã: 100 triệu đồng/xã/năm.

2. Phân bổ hằng năm cho các xã để duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các nội dung thành phần của

Chương trình (xã đồng thời đáp ứng nhiều điều kiện thì chỉ được tính hỗ trợ ở một mức cao nhất):

- a) Xã an toàn khu: 1.000 triệu đồng/xã/năm.
- b) Xã biên giới biển: 1.000 triệu đồng/xã/năm.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 800 triệu đồng/xã/năm.
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 600 triệu đồng/xã/năm.
- e) Xã còn lại: 500 triệu đồng/xã/năm.

3. Phân bổ hỗ trợ xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 (phân bổ vào năm đăng ký đạt chuẩn):

- a) Xã an toàn khu: 1.000 triệu đồng/xã/năm.
- b) Xã biên giới biển: 1.000 triệu đồng/xã/năm.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 800 triệu đồng/xã/năm.
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 600 triệu đồng/xã/năm.
- e) Xã còn lại: 500 triệu đồng/xã/năm.

4. Phân bổ thực hiện công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn; thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm và các nội dung thành phần của Chương trình theo quy định:

Hằng năm, căn cứ vào quy định, hướng dẫn của Trung ương và quy định của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các xã để triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 7. Tiêu chí, điểm số phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh

Tiêu chí, điểm số phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình trên cơ sở số xã, phường trên địa bàn tỉnh. Căn cứ điều kiện thực tế, xây dựng 02 nhóm tiêu chí phân bổ và điểm số cụ thể như sau:

1. Tiêu chí cơ bản:

- a) Xã an toàn khu: 50 điểm/xã.
- b) Xã biên giới biển: 50 điểm/xã.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 40 điểm/xã.

d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 30 điểm/xã.

đ) Xã còn lại: 25 điểm/xã.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số điểm cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó, không áp dụng tính cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số điểm đối với cùng 01 xã.

2. Tiêu chí bổ sung:

a) Tiêu chí về quy mô diện tích tự nhiên⁴:

Xã có diện tích tự nhiên dưới 20 km²: 05 điểm/xã.

Xã có diện tích tự nhiên từ 20 km² đến dưới 30 km²: 10 điểm/xã.

Xã có diện tích tự nhiên từ 30 km² đến dưới 40 km²: 15 điểm/xã.

Xã có diện tích tự nhiên từ 40 km² đến dưới 50 km²: 16 điểm/xã.

Xã có diện tích tự nhiên từ 50 km² trở lên: 17 điểm/xã.

b) Tiêu chí về quy mô dân số³:

Đối với xã có dân số đến dưới 20.000 người: 05 điểm/xã.

Đối với xã có dân số từ 20.000 người trở lên được tính như sau: Phần dân số đến 20.000 người được tính 05 điểm/xã; phần dân số tăng thêm cứ 5.000 người được tính thêm 01 điểm.

c) Tiêu chí về mục tiêu đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới:

Xã an toàn khu đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: 50 điểm/xã.

Xã biên giới biên đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: 50 điểm/xã.

Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: 40 điểm/xã.

Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: 30 điểm/xã.

Xã còn lại đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: 25 điểm/xã.

Trường hợp, một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số điểm cao nhất

⁴ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình cũ; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định cũ; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam cũ.

tương ứng với một trong các đối tượng đó, không áp dụng tính cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số điểm đối với cùng 01 xã.

d) Tiêu chí về mục tiêu đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại:

Xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: 50 điểm/xã.

đ) Tiêu chí tính điểm theo số lượng thôn, xóm, bản, tổ dân phố⁵ (gọi chung là thôn) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã, phường⁶:

Mỗi thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tính 01 điểm/thôn.

Điều 8. Định mức, phương pháp xác định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh

1. Bố trí 30% tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình để hỗ trợ thực hiện các nội dung nhiệm vụ: Thực hiện quy định, điều kiện tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; xây dựng xã nông thôn mới hiện đại; hỗ trợ các xã và phường Yên Sơn, các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ các phường thực hiện chính sách giảm nghèo; hỗ trợ thôn đạt chuẩn nông thôn mới; hỗ trợ các nội dung, dự án, công trình do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý, thực hiện và các nội dung khác ở cấp tỉnh do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Số vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh còn lại được phân bổ cho xã, phường căn cứ theo điểm số, như sau:

a) Phương pháp tính điểm số của xã, phường:

- Điểm số tiêu chí cơ bản: Gọi AT_i là điểm số tiêu chí cơ bản của xã thứ i .

- Điểm số tiêu chí bổ sung:

Gọi BT_i là tổng điểm số tiêu chí bổ sung của xã thứ i .

Gọi s_i là điểm số quy mô diện tích tự nhiên của xã thứ i .

Gọi p_i là điểm số quy mô dân số của xã thứ i .

Gọi q_i là điểm số xã thứ i đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới.

Gọi r_i là điểm số xã thứ i đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

Gọi u_i là tổng điểm số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của xã, phường thứ i .

⁵ Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

⁶ Chỉ bao gồm phường Yên Sơn.

$$BT_i = s_i + p_i + q_i + r_i + u_i$$

Tổng số điểm của xã, phường thứ i được xác định theo công thức sau:

Gọi XT_i là tổng điểm số của xã thứ i:

$$XT_i = AT_i + BT_i$$

b) Phương pháp tính điểm số toàn tỉnh:

Gọi YT là tổng điểm số toàn tỉnh:

$$YT = \sum_{i=1}^n XT_i$$

Trong đó: n là tổng số xã trên địa bàn tỉnh và phường Yên Sơn.

c) Số vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh trung bình 01 điểm số được xác định theo công thức sau:

Gọi ZT là số vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh trung bình 01 điểm số.

Gọi KT là tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh bố trí cho Chương trình.

Gọi KT_1 là số vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh đã hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.

$$ZT = \frac{KT - KT_1}{YT}$$

d) Định mức vốn Đầu tư phát triển ngân sách tỉnh phân bổ cho từng xã, phường được xác định theo công thức:

Gọi VT_i là tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh phân bổ cho xã, phường thứ i.

$$VT_i = ZT \times XT_i$$

Điều 9. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh

1. Phân bổ hằng năm cho các xã và phường Yên Sơn để duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; hỗ trợ thực hiện các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các nội dung thành phần của Chương trình:

a) Xã an toàn khu: 2.000 triệu đồng/xã/năm.

b) Xã biên giới biên: 2.000 triệu đồng/xã/năm.

c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.600 triệu đồng/xã/năm.

d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.200 triệu đồng/xã/năm.

e) Xã còn lại: 1.000 triệu đồng/xã/năm.

2. Hỗ trợ thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 100 triệu đồng/thôn.

3. Phân bổ hỗ trợ xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030⁷ (phân bổ vào năm đăng ký đạt chuẩn):

a) Xã an toàn khu: 2.000 triệu đồng/xã/năm.

b) Xã biên giới biển: 2.000 triệu đồng/xã/năm.

c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.600 triệu đồng/xã/năm.

d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.200 triệu đồng/xã/năm.

e) Xã còn lại: 1.000 triệu đồng/xã/năm.

4. Hỗ trợ thôn đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới⁸ (phân bổ vào năm đăng ký đạt chuẩn):

a) Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 200 triệu đồng/thôn.

b) Thôn thuộc địa bàn xã an toàn khu, xã biên giới biển, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 150 triệu đồng/thôn.

c) Thôn còn lại: 100 triệu đồng/thôn.

Trường hợp, một thôn đồng thời thuộc cả hai (02) đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản này thì chỉ áp dụng một (01) mức hỗ trợ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó, không áp dụng tính cộng gộp hoặc tính trùng đối với cùng 01 thôn.

5. Bổ sung cùng với ngân sách Trung ương đảm bảo các khoản hỗ trợ tại Điều 6 Quy định này. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các xã để triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

⁷ Xã phải có văn bản đăng ký, được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào kế hoạch thực hiện.

⁸ Xã phải có văn bản đăng ký, được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào kế hoạch thực hiện.